

Số: 84 /KSBT-XN-CĐHA-TDCN



**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã số mẫu: 0070.23



Tên khách hàng : Chi nhánh cấp nước Trà Ôn  
Địa chỉ : ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long  
Người lấy mẫu : Vương Ngọc Hải  
Địa điểm lấy mẫu : tại chi nhánh cấp nước  
Ngày lấy mẫu : 07/02/2023  
Tên mẫu : Nước sạch S42  
Lượng mẫu : 1đv x 2lit, 1đv x 500ml  
Ngày nhận mẫu : 07/02/2023  
Tình trạng mẫu : Đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	Clo dư (đo tại hiện trường)	HACH (DPD Free Chlorine)	0,7 mg/L	0,2 - 1,0 mg/L	07/02/2023
2	Màu sắc	SMEWW 2017-2120 C	< 5 TCU	≤ 15 TCU	07/02/2023
3	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	07/02/2023
4	pH	TCVN 6492-2011	7,15	6,0 - 8,5	07/02/2023
5	Độ đục	SMEWW 2130 B:2017(*)	Không phát hiện LOQ = 0,84 NTU	≤ 2 NTU	07/02/2023
6	Coliform tổng cộng	TCVN 6187-1:2019(*)	< 1 CFU/100mL	< 3 CFU/100 mL	07/02/2023
7	<i>E.coli</i>	TCVN 6187-1:2019(*)	< 1 CFU/100mL	< 1 CFU/100 mL	07/02/2023

**Chú thích:**

- (\*): Phép thử đã được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
- <1 CFU/100 mL: Được xem như là không phát hiện.
- Tham chiếu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XN-CĐHA-TDCN

KS. Võ Thanh Phương

Vĩnh Long, ngày 10 tháng 02 năm 2023



Phạm Minh Thành





**CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN**  
**VIET TIN TESTING CO., LTD**

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, TP. HCM  
Laboratory & Office: No.39A, 4<sup>th</sup> street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, HCM city  
Tel: (028) 39158936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013  
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



VILAS 1074 VIMCERTS 211

Số/ No: 00747 2302A/KQ  
Mã số/ Code: 0389 2302  
Mã số mẫu/ Sample code: 00790 2302  
Trang/ Page: 1/ 1

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TESTING REPORT**

Tên khách hàng/ Client : CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TRÀ ÔN  
Địa chỉ/ Address : Ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long  
Nơi lấy mẫu/ Place of sampling : Số nhà 81B Thống Chế Điều Bát, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/02/2023 Ngày phân tích/ Date of analysis : 07/02/2023  
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 15/02/2023  
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước đã xử lý Số lượng mẫu/ Quantity of sample : 01 mẫu  
Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SẠCH  
Tình trạng mẫu/ State of sample : Mẫu đựng trong chai nhựa

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCVN 01-1: 2018/BYT Cột A
1	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/100mL	< 3
2	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/100mL	< 1
3	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl <sub>2</sub> B : 2017	0,50	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
4	Mùi, vị	SOP.01 – 436 : 2022 (Ref. TCVN 2653 : 1978, SMEWW 2150B, 2160B : 2017)	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
5	Độ đục (*)	SMEWW 2130.B : 2017	Không phát hiện (LOD=0,15)	NTU	2
6	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C : 2017	Không phát hiện (LOD=3,0)	TCU	15
7	pH (*)	TCVN 6492 : 2011	7,18	-	trong khoảng 6,0-8,5

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.

(\*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).

(s/c) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (s/c) : Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG  
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trường

GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR



ThS. Nguyễn Văn Tâm

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department.

No. Document: QTCL-13/BM02

Version: 08

Date of issue: 18/10/2022

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN  
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE





**CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN**  
**VIET TIN TESTING CO., LTD**

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, P.Bình Trị Đông B, Q.Bình Tân, TP. HCM  
Laboratory & Office: No.39A, 4<sup>th</sup> street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, HCM city  
Tel: (028) 39158936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013  
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



VILAS 1074 VIMCERTS 211

Số/ No: 00746 2302A/KQ  
Mã số/ Code: 0389 2302  
Mã số mẫu/ Sample code: 00789 2302  
Trang/ Page: 1/ 1

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TESTING REPORT**

Tên khách hàng/ Client : **CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TRÀ ÔN**  
Địa chỉ/ Address : **Ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long**  
Nơi lấy mẫu/ Place of sampling : **Số nhà 54 Đường Lê Văn Duyệt, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long**  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **07/02/2023** Ngày phân tích/ Date of analysis : **07/02/2023**  
Ngày trả kết quả/ Date of issue : **15/02/2023**  
Loại mẫu/ Kind of sample : **Nước đã xử lý** Số lượng mẫu/ Quantity of sample : **01 mẫu**  
Tên mẫu/ Name of sample : **NƯỚC SẠCH**  
Tình trạng mẫu/ State of sample : **Mẫu đựng trong chai nhựa**

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCVN 01-1: 2018/BYT Cột A
1	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/100mL	< 3
2	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/100mL	< 1
3	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl <sub>2</sub> B : 2017	0,40	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
4	Mùi, vị	SOP.01 – 436 : 2022 (Ref. TCVN 2653 : 1978, SMEWW 2150B, 2160B : 2017)	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
5	Độ đục (*)	SMEWW 2130.B : 2017	Không phát hiện (LOD=0,15)	NTU	2
6	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C : 2017	Không phát hiện (LOD=3,0)	TCU	15
7	pH (*)	TCVN 6492 : 2011	7,22	-	trong khoảng 6,0-8,5

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.  
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.  
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.  
LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.  
(\*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).  
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (s/c): Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**

**ThS. Huỳnh Ngọc Trường**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**ThS. Nguyễn Văn Tâm**

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: **Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department.**

No. Document: QTCL-13/BM02  
Version: 08  
Date of issue: 18/10/2022

**SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN**  
**MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE**